

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2022/HC-PT**

Ngày 19 - 4 - 2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Tấn Long

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 26/2022/TLPT-HC về việc “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1412/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn B, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn B: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: 276 đường N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q. Địa chỉ: Số 48 đường H2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn Th - Phó Trưởng

phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1. Có mặt.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã T1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc L1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1. Có mặt.

2. Ông Đỗ Anh T2, sinh năm 1972. Địa chỉ: 41 đường N3, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn B là bà Nguyễn Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Nguyễn B là người khai hoang và sử dụng thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T1 từ năm 1977-1978. Đây là thửa đất nằm trong thửa đất rừng tại xứ Đồng N4, xã T3, huyện S, nay thuộc một phần thửa đất số 269, tờ bản đồ số 26, xã T3 huyện S. Do tuyến đường HG - VT mở ra làm cho thửa đất bị tách ra làm 2 phần: Phần phía Bắc thuộc thửa 269, tờ bản đồ số 26 xã T3; phần phía Nam là thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m² thuộc địa bàn xã T1. Cụ thể:

- Một phần là thửa đất số 269, ông B đã khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1977-1978 để trồng cây lương thực ngắn ngày (cây củ mì), mía và không hề có bất kỳ sự tranh chấp nào, kể cả UBND xã T1; trong thời gian này, ông B dựng lò che nấu đường thủ công trên phần đất phía Nam và giếng nước (hiện nay giếng nước đã bị lấp). Đến năm 1984, ông B đã trồng cây điều lộn hạt đến nay vẫn còn trên 30 cây, có chu vi gốc to đến 2m, đo tại vị trí gốc cây cách mặt đất 1m. Sau đó, nhà nước thu hồi để cấp cho ông Trần Đức Ái thuê đất để xây dựng trang trại tổng hợp, việc này ông đã kiện nhưng đang chờ cấp giám đốc thẩm giải quyết (phần đất này có liên quan nhưng không thuộc phạm vi khởi kiện theo đơn khởi kiện lần này).

- Một phần thửa đất hiện nay thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.904,8m², lúc này thuộc địa giới hành chính xã T1.

Việc sử dụng đất của ông B từ năm 1977-1978 đến nay có nhiều hộ dân biết và xác nhận bằng cam kết trách nhiệm trước pháp luật của mình. Mới đây, do việc trồng cây mì không hiệu quả nên ông B trồng cây keo lai để giảm công chăm sóc.

Như vậy, việc sử dụng đất của ông B là ổn định và đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Chính

vì vậy, ông B đã nộp hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông. Tuy nhiên sau khi nhận hồ sơ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q có Công văn số 516/TB-CNTPQN ngày 10/4/2018 từ chối cấp GCNQSDĐ cho ông B như sau: Khu vực ông Nguyễn B xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong quy hoạch trang trại sinh thái tổng hợp của ông Đỗ Anh T2 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 1229/UBND-CNXD ngày 10/3/2017 về việc giới thiệu địa điểm đầu tư dự án trang trại sinh thái tổng hợp tại Núi N5, thôn L2, xã T1, thành phố Q cho ông Đỗ Anh T2, hiện nay ông Đỗ Anh T2 đang lập các bước thủ tục tiếp theo để đầu tư xây dựng trang trại.

Đây là hành vi trái pháp luật vì:

Một là: Diện tích đất 4.904,8m² nói trên ông B đã quản lý, sử dụng từ những năm 1977-1978 để trồng lang, trồng củ mì, về sau trồng cây đào. Hiện nay trên đất vẫn còn cây đào (về phía Bắc); suốt quá trình sử dụng đất không có bất kỳ một sự tranh chấp nào. Việc sử dụng đất của ông B phù hợp với chủ trương khuyến khích của Nhà nước được quy định tại Điều 2 (Luật Đất đai 1987), Điều 5 (Luật Đất đai 1993), Điều 12 (Luật Đất đai 2003) và Điều 9 (Luật Đất đai 2013).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã T1 cho rằng đất do UBND xã T1 là “chủ sử dụng” là không có căn cứ, vì suốt từ những năm 1977-1978 ông B sản xuất trên đất nhưng không có bất kỳ một cán bộ nào của UBND xã T1 ngăn cản việc sử dụng của ông B.

Hai là: Chủ tịch UBND xã T1 viện dẫn Công văn số 1229/UBND- CNXD ngày 10/3/2017 để cho rằng UBND tỉnh “*Giới thiệu địa điểm đầu tư dự án trang trại sinh thái tổng hợp tại Núi N5, thôn L2, xã T1, thành phố Q cho ông Đỗ Anh T2, hiện nay ông Đỗ Anh T2 đang lập các bước thủ tục tiếp theo để đầu tư xây dựng trang trại*” để không xác nhận hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông B, tuy nhiên, cũng tại Văn bản này còn cho biết thêm: “Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày UBND tỉnh giới thiệu địa điểm tại Công văn này, nếu ông Đỗ Anh T2 chưa hoàn tất các thủ tục về đất để thực hiện đầu tư dự án thì văn bản giới thiệu địa điểm hết hiệu lực”.

Từ ngày 10/3/2017 đến nay, việc sử dụng đất của ông B vẫn tiếp tục ổn định, không tranh chấp, không có bất kỳ một động thái nào của nhà đầu tư Đỗ Anh T2 liên quan đến việc sử dụng đất của ông B vấn đề quan trọng là trong trường hợp này không thuộc trường hợp nhà nước làm công tác bồi thường, thu hồi đất. Cho dù có đơn vị tư nhân nào đó muốn thực hiện dự án trên thửa đất của ông B thì phải đứng ra thỏa thuận về quyền sử dụng đất với B. Còn khi chưa có sự thống nhất nào thì việc ông B yêu cầu cấp GCNQSDĐ là đúng pháp luật. Không có quy định nào của pháp luật đất đai quy định khu có dự án của tư nhân tại thửa đất nào đó thì

dừng việc cấp GCNQSDĐ cho chủ sử dụng. Như vậy, khi chưa có sự đồng ý của ông B về việc chấp nhận phương án bồi thường từ phía ông Đỗ Anh T2 thì bất kỳ khi nào ông B yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất ổn định thì UBND cấp xã phải xác nhận cho ông.

Căn cứ các quy định nói trên thì việc không xác nhận hồ sơ để Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố Q đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông B là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, ông B đã khiếu nại hành vi này lên Chủ tịch UBND xã T1 và Chủ tịch UBND xã T1 đã bác khiếu nại của ông B tại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019. Mặc dù, tại Quyết định này, Chủ tịch UBND xã T1 thừa nhận: “Sau năm 1975, diện tích đất này thuộc Nhà nước đã quản lý và giao cho Lâm trường huyện S trồng cây bạch đàn; đến năm 1981 Lâm trường huyện S giải thể, diện tích đất giao cho UBND xã T1, cụ thể là Hợp tác xã nông nghiệp T1 quản lý, trồng cây bạch đàn; sau khi Hợp tác xã T1 bán cây bạch đàn vào năm 1985, diện tích đất bỏ hoang”.

Thực tế thì năm 1981, sau khi Lâm trường huyện S giải thể, trên đất còn cây bạch đàn tái sinh và sau đó Hợp tác xã T1 khai thác số cây tái sinh này rồi bỏ hoang. Sau khi đất bỏ hoang không ai quản lý, sử dụng thì nhân dân trong khu vực đến khai hoang trồng hoa màu để sinh sống. Nhưng đó là ở vị trí khác chứ hoàn toàn không nằm trong diện tích mà ông m² này.

Việc khai hoang, sử dụng đất của nhân dân địa phương, trong đó có ông B khai hoang được hơn 10.000m² tại khu vực này là phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước lúc bấy giờ trong việc khuyến khích người dân khai hoang, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tăng gia sản xuất.

Ngày 23/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 6099/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, theo đó bác khiếu nại của ông B về việc Chủ tịch UBND xã T1 không xác nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.904,8m² cho ông B tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01 nói trên là xâm hại đến quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông Nguyễn B trong hơn 30 năm qua. Từ căn cứ này yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn B, địa chỉ thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q;

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận nguồn gốc đất đã qua sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn B.

Người bị kiện, Chủ tịch UBND xã T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, UBND xã T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 08, tờ bản đồ số 01, xã T1 như sau:

Theo Bản đồ 299, số thửa 01, 02 và 07, thuộc tờ bản đồ số 07 do HTX xã T1 quản lý trong sổ 5a.

Bản đồ Nghị định 64/CP, số thửa số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích của thửa đất 65.350m², loại đất RTrG, do UBND xã T1 quản lý.

Bản đồ đo đạc theo dự án VLAP năm 2016, số thửa 9, tờ bản đồ số 01, diện tích cả thửa 19.870,5 m², loại đất SKX, do UBND xã quản lý.

Nguồn gốc đất này được Lâm trường huyện S quản lý từ sau năm 1975, sử dụng trồng cây bạch đàn; đến năm 1981 Lâm trường huyện S giải the, diện tích và cây bạch đàn có trên đất được giao cho Hợp tác xã nông nghiệp T1 quản lý, khai thác cây bạch đàn, thể hiện năm 1996 Hợp tác xã nông nghiệp T1 có tổ chức đầu giá rừng bạch đàn tại thôn L2 (Có biên bản ngày 01/02/1996).

Đến ngày 26/10/2003, UBND xã T1 lập Biên bản về việc thực hiện chia đất rừng cho nhân dân L2, cho 10 tổ nhân dân thôn L2, với tổng diện tích đất rừng được phân chia 49,5 ha (trong đó có diện tích 4.904,8m² ông Nguyễn B yêu cầu cấp giấy CNQSDĐ cho ông). Theo hồ sơ địa chính thì thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, diện tích cả thửa 65.350m², đất RTrG là của UBND xã T1 quản lý, các hộ dân sống lâu năm tại thôn L2 biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đều khẳng định *“Từ trước đến nay, ông Nguyễn B không có khai hoang, sử dụng trên diện tích đất này”*.

Do điều kiện canh tác gặp nhiều khó khăn nên các hộ dân nhận đất tại vị trí đất ông Nguyễn B đề nghị cấp giấy bỏ không, đến năm 2017 ông Nguyễn B có mang cây keo đến vị trí đất này trồng và đã được nhân dân phát hiện, phản ánh UBND xã, UBND cử cán bộ Công chức Địa chính - Xây dựng kết hợp Trưởng thôn và Tổ quản lý trật tự đô thị đến thực tế và lập biên bản kiểm hiện trạng vào ngày 30/10/2017, đồng thời UBND xã ra Thông báo số 56/TB-UBND ngày 29/11/2017 về việc đề nghị ông Nguyễn B thu dọn toàn bộ cây keo trồng trái phép trên đất thuộc UBND xã T1 quản lý ở núi Đồng N4, thôn L2, xã T1, tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, diện tích đã trồng khoảng 1.800 m².

Đến ngày 26/9/2018, ông Nguyễn B có Đơn khiếu nại và được UBND xã tiếp nhận đơn khiếu nại của ông, UBND xã T1 đã ban hành Thông báo số 03/TB-UBND ngày 17/01/2019 về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; đơn khiếu nại của ông Nguyễn B đủ điều kiện thụ lý và thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã T1.

UBND xã T1 đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 về việc thành lập Tổ xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất mà ông Nguyễn B xin cấp GCNQSDĐ đối với một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01,

diện tích 4.904,8m² (nằm trong thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, diện tích 65.350m², loại đất RTr.G, do UBND xã T1 quản lý), đồng thời có Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 27/02/2019 về kết quả xác minh, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất mà ông Nguyễn B xin cấp GCNQSDĐ.

Ngày 07/3/2019, UBND xã đã tổ chức buổi gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với ông Nguyễn B và một số hộ dân sinh sống tại thôn L2, xã T1 để làm rõ thêm về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với phần diện tích đất mà ông Nguyễn B xin cấp GCNQSDĐ. Trên cơ sở đó, UBND xã đã ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch UBND xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B.

Ngày 01/4/2019, UBND xã mời ông Nguyễn B đến công bố và giao Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B. Tuy nhiên, ông Nguyễn B không đến nhận Quyết định giải quyết của UBND xã theo thư mời triệu tập.

Đến năm 2020 thì gia đình ông Nguyễn B đem trụ bê tông và kẽm gai đến chôn trụ và kéo kẽm gai tại vị trí thửa đất ông đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã nhận được phản ánh của người dân và đã đến thực tế xác minh lập biên bản ngày 05/10/2020, đồng thời ra Thông báo số 112/TB-UBND ngày 18/11/2020 nhưng gia đình ông Nguyễn B UBND xã không chấp hành.

Việc ông Nguyễn B cho rằng diện tích đất 4.904,8m², (thuộc một phần của thửa đất số 8, diện tích 65.350m², loại đất RTr.G, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995) có nguồn gốc ông Nguyễn B khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1977-1978 đến nay là không có cơ sở và không đúng thực tế.

UBND xã cũng khẳng định trên cơ sở hồ sơ lưu ở xã và các giấy tờ liên quan thì nguồn gốc đất mà ông Nguyễn B đề nghị cấp giấy thuộc đất do UBND xã quản lý, không phải đất của ông Nguyễn B. Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch UBND xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B và buộc ủy ban nhân dân xã Tịnh nhận nguồn gốc đất đã qua sử dụng ổn định, liên tục không có tranh chấp từ năm 1977 để đề nghị cấp GCNQSDĐ đất cho ông Nguyễn B là không có cơ sở.

Chủ tịch UBND xã T1 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Quan điểm của UBND xã T1: UBND xã T1 không xác nhận vào hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Bương đối với diện tích 4.904,8m² là đúng quy định và đã giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Châu.

Người bị kiện, Chủ tịch UBND thành phố Q trình bày:

- Nội dung khiếu nại của ông Nguyễn B: Ngày 22/4/2019, ông Nguyễn B (thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Quảng Ngãi) có đơn khiếu nại lần hai đối với việc Chủ tịch UBND xã T1 không xác nhận đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông diện tích 4.904,8m², thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995, xã T1, thành phố Q.

- Diễn biến việc giải quyết khiếu nại lần đầu:

Ông Nguyễn B phát sinh Đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 4.904,8m² (thuộc một phần diện tích thửa đất số 08, diện tích 65.35m², loại đất RTr.G, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995, xã T1, thành phố Quảng Ngãi), được Bộ phận tiếp nhận và giao trả kết quả hồ sơ của UBND thành phố tiếp nhận ngày 15/8/2017. Ngày 01/3/2018, Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố chuyển hồ sơ đến UBND xã T1 để xem xét, xác nhận nguồn gốc đất; ngày 30/3/2018 UBND xã T1 có Công văn số 27/UBND gửi Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố, có nội dung không đồng ý xác nhận hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn B vì diện tích đất này của UBND xã T1 quản lý. Do đó, ngày 10/4/2018, Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố có Thông báo số 516/TB- CNTPQN trả hồ sơ cho ông B.

Ông Nguyễn B không đồng ý, có đơn đề ngày 26/12/2018 khiếu nại cho rằng diện tích 4.904,8m² nói trên đã được ông quản lý, sử dụng từ năm 1977, 1978 canh tác trồng lang, trồng mì, về sau là trồng keo, hiện nay trên đất vẫn còn cây keo (ngoài cây keo ra ông khẳng định không có cây đào hay cây nào khác) nên việc sử dụng đất của ông là đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ nhưng Chủ tịch UBND xã T1 không xác nhận đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông là không đúng quy định.

Khiếu nại của ông Nguyễn B được Chủ tịch UBND xã T1 thụ lý, xác minh, đối thoại và ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 giải quyết bác khiếu nại. Bởi vì nguyên diện tích 4.904,8m² (thuộc một phần diện tích của thửa đất số 08, diện tích 65.350m², tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995. xã T1) do Nhà nước quản lý từ sau năm 1975, giao cho Lâm trường huyện S trồng cây bạch đàn; đến năm 1981 Lâm trường huyện S giải thể, diện tích đất giao cho UBND xã T1, cụ thể là Hợp tác xã nông nghiệp T1 quản lý, khai thác cây bạch đàn cho đến năm 1996, trong thời gian này có một số hộ dân thôn L2 trồng lang, mì xen kẽ trên diện tích bạch đàn tái sinh. Ngày 26/10/2003, UBND xã T1 lập Biên bản phân chia diện tích đất rừng trồng này cho 10 tổ khu dân cư số 13, thôn L2 sử dụng, tổng diện tích 49,5ha (trong đó có diện tích 4.904,8m²). Việc ông B cho rằng đất có nguồn gốc do ông khai hoang và sử dụng từ năm 1977- 1978 là không có cơ sở và không đúng thực tế.

- Việc giải quyết khiếu nại lần hai:

+ Nguồn gốc đất: Hồ sơ địa chính thửa đất: Tại sổ mục kê 64/CP, quyền số 01, trang số 01, thửa đất số 08, diện tích 65.350m², loại đất RTr.G, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995, xã T1, thành phố Q, tại cột chủ sử dụng đất ghi “UBQL”.

Nguồn gốc sử dụng đất: Nguyên diện tích 4.904,8m² (thuộc một phần diện tích của thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995, xã T1). Có nguồn gốc là của Tộc họ Hạ ở xã T1 từ trước năm 1975. Sau năm 1975, diện tích đất này thuộc nhà nước quản lý và giao cho Lâm trường huyện S trồng cây bạch đàn; đến năm 1981 Lâm trường huyện S giải thể, diện tích đất giao cho UBND xã T1, cụ thể là HTX nông nghiệp T1 quản lý, khai thác cây bạch đàn cho đến năm 1996, trong thời gian này có một số hộ dân thôn L2 trồng lang, mì xen kẽ trên diện tích bạch đàn tái sinh. Nhưng do điều kiện đất xấu, không đủ nước, lang, mì không trồng được nên đất bỏ không đến năm 2003. Ngày 26/10/2003, UBND xã T1 lập Biên bản phân chia diện tích đất rừng trồng này cho 10 tổ khu dân cư số 13, thôn L2 quản lý, tổng diện tích 49,5ha.

+ Quá trình quản lý, sử dụng đất: Kết quả làm việc giữa UBND xã T1 với một số hộ dân sống lâu năm tại thôn L2, xã T1 (cụ thể: ông Trương Quang H3, bà Đặng Thị T3, bà Trần Thị L3, ông Phạm Ph), khẳng định “Diện tích đất này trước đây do Lâm trường S quản lý, trồng bạch đàn; khoảng năm 1981 giao lại cho Hợp tác xã nông nghiệp T1 quản lý, khai thác cây bạch đàn. Sau đó, có một số hộ dân thôn L2 ra khai hoang, trồng lang, mì nhưng vì đất xấu, cây chết nên bỏ hoang. Từ trước đến nay, ông Nguyễn B không có khai hoang, sử dụng trên diện tích đất này. Năm 2017, ông Nguyễn B có mang cây keo đến vị trí đất này trồng, bị UBND xã T1 lập biên bản xử lý”.

Theo ý kiến phản ánh của nhân dân thôn L2 về việc ông Nguyễn B, ở thôn H, xã T trồng keo trên thửa đất số 8, tờ bản đồ số 01, xã T1, thành phố Q. Ngày 30/10/2017, UBND xã T1 lập biên bản kiểm tra hiện trạng, xác định ông B đã trồng keo trên diện tích khoảng 1.800m². Ngày 29/11/2017, UBND xã T1 ra thông báo yêu cầu ông Nguyễn B thu dọn toàn bộ cây keo trồng trái phép trên đất thuộc UBND xã T1 quản lý tại núi Đồng N4, thôn L2.

Ông Nguyễn B cung cấp Giấy xác nhận của 07 hộ dân cư trú tại thôn H, xã T mà ông cho là biết rõ quá trình khai hoang, sử dụng đất của ông tại diện tích 4.904,8m² (thuộc một phần diện tích của thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995, xã T1 (thuộc Núi Đồng N4, xã T1), Tuy nhiên, qua kiểm tra Giấy xác nhận thì những hộ dân này xác nhận việc sử dụng đất cho ông Nguyễn B tại núi Đồng N4, thuộc thôn Phú Lộc, xã T3, huyện S (đất này trước đây ông B đã có đơn khiếu nại, được Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết bác khiếu nại, ông B khởi kiện ra Tòa án, được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử bác nội dung khởi kiện của ông), không phải diện tích đất thuộc xã T1 mà ông đang có đơn khiếu nại.

- Ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện đối với Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố:

Căn cứ quy định tại Điều 18, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố Q thụ lý, giải quyết khiếu nại lần hai đối với trường hợp khiếu nại của ông Nguyễn B là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Căn cứ để giải quyết khiếu nại đều đã được nêu cụ thể trong Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B. Khiếu nại của ông B là không có cơ sở. Ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Anh T2 trình bày:

Ông và Công ty đang xin chủ trương thuê đất tại thôn L2, xã T1, thành phố Q, trong đó có diện tích 4.904,8m² đất mà ông Nguyễn B đang khởi kiện tại Tòa án tỉnh. Đối với diện tích trên không có liên quan gì đến ông vì chủ trương ông xin thuê đất để làm trang trại sinh thái là hoàn toàn đúng pháp luật, đang chờ Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt, ông không lấn chiếm hay tranh chấp gì với ông B, khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nếu diện tích đất này thuộc quyền sở hữu của cá nhân nào thì chúng ông sẽ bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND thành phố Q

Diện tích 4.904,8m² ông Nguyễn B xin cấp GCNQSDĐ do UBND xã T1 quản lý. Do đó, UBND xã T1 không xác nhận vào hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn B đối với diện tích 4.904,8m² là có cơ sở. Do vậy, Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn B có nội dung: Bác khiếu nại của ông Nguyễn B, khiếu nại việc Chủ tịch UBND xã T1 không xác nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông diện tích 4.904,8m², thuộc thửa đất số 08, tờ bản đồ số 01, bản đồ đo vẽ năm 1995, xã T1, thành phố Q là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 17, Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B:

- Hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn B, địa chỉ thường trú tại thôn H, xã Tịnh An Đông, thành phố Q;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải xác nhận vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/12/2022, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn B là bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn B là bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên Bản án số 33/2021/HC-ST ngày 3/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B; Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại; hành vi hành chính buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải xác nhận vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B theo quy định của pháp luật. Ngày 24/9/2020, ông Nguyễn B làm đơn khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý để giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[2] Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc thửa đất với 4.904,8m² nằm trong thửa đất rừng tại xứ Đồng N4, xã T3, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (thửa số 269, tờ bản đồ số 26 xã T3). Ông B cho rằng diện tích 4.904,8 m² tại thửa số 08, tờ bản đồ số 01 này do hộ gia đình ông khai hoang từ những năm 1977 - 1978 và sử dụng ổn định, liên tục và trồng cây điều lộn hạt không ai tranh chấp. Xét, theo Bản đồ 299 thì phần diện tích 4.904,8m² thuộc thửa số 01, 02 và 07, thuộc tờ bản đồ số 07 do HTX xã T1 quản lý ghi trong sổ 5a. Theo Nghị định 64/CP và Bản đồ đo đạc theo Dự án VLAP năm 2016 thửa đất này thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 01 do UBND xã T1, cụ thể là Hợp tác xã nông nghiệp T1 quản lý, khai thác cây bạch đàn cho đến năm 1996. Việc ông B cho rằng diện tích

4.904,8m² là do hộ gia đình ông khai hoang nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời khai của mình có căn cứ pháp luật.

[3] Ngày 15/8/2017, ông B lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ với diện tích 4.904,8 m² thuộc thửa số 08, tờ bản đồ số 01 tại xã T1. Ngày 30/3/2018, UBND xã T1 ban hành Công văn số 27/UBND đã bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn B đối với hành vi hành chính của UBND xã T1. Sau đó, Chủ tịch UBND xã T1 ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 đã “Bác nội dung khiếu nại ông Nguyễn B đối với hành vi hành chính của UBND xã T1 tại Công văn số 27/UBND ngày 30/3/2018”. Không đồng ý, ông Nguyễn B tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn B. Tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: UBND cấp xã có trách nhiệm: *“a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, trình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch”*. Đối chiếu với quy định trên, UBND các cấp của tỉnh Quảng Ngãi không xác nhận vào hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn B là không đúng pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B để hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, hủy Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B. Đồng thời, buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải xác nhận vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B theo quy định của pháp luật là chính xác. Như vậy, bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn B đề nghị phải buộc UBND xã T1 xác nhận nguồn gốc đất do ông B khai hoang và sử dụng liên tục, không có tranh chấp từ năm 1977 đến nay là không đúng với dẫn chiếu tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 trên.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn B là bà Hoa, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Nguyễn B là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn B là bà Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2021/HC-ST ngày 13/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. **Xử:**

Áp dụng Điều 17, Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B:

- Hủy Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn B, thường trú tại thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 6099/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông Nguyễn B, địa chỉ thường trú tại thôn H, xã Tịnh An Đông, thành phố Q;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải xác nhận vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn B theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn B là người cao tuổi nên được miễn.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19 - 4 - 2022./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 3 – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu